

# NGHIÊN CỨU THIẾT LẬP KHU VỰC MẬU DỊCH TỰ DO VIỆT NAM - HOA KỲ

ThS. Lê Huy Khôi

*Viện Nghiên cứu Thương mại*

## 1. Cơ sở thiết lập Khu vực Mậu dịch Tự do Việt Nam - Hoa Kỳ

Xu hướng ký kết các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) đang trở nên phổ biến, đặc biệt đối với khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Xu hướng này có đặc điểm chung là đẩy nhanh quá trình tự do hoá trên cấp độ song phương và khu vực nhiều hơn các thoả thuận đa phương toàn cầu. Mục tiêu chung của các hiệp định thương mại tự do là giảm tối đa thuế nhập khẩu trong thời gian quy định càng nhanh càng tốt, đồng thời dỡ bỏ hầu hết các rào cản thương mại.

Thích ứng với làn sóng ký kết các hiệp định thương mại tự do, và xuất phát từ các lợi ích mà FTA mang lại, Việt Nam, một nền kinh tế đang nỗ lực hội nhập, cần tranh thủ đón đầu xu thế này để xúc tiến đàm phán, ký kết FTA với các đối tác chiến lược lớn như Hoa Kỳ để tranh thủ những ưu đãi cao về mở cửa thị trường nhằm đẩy mạnh xuất khẩu và tranh thủ vốn, công nghệ tiên tiến để phát triển kinh tế đất nước.

Chủ trương, chính sách và giải pháp chủ động hội nhập kinh tế quốc tế không thể tách rời các xu hướng mới trong các diễn đàn khu vực và toàn cầu mà Việt Nam tham gia. Việc tiếp tục các cam kết song phương để hội nhập theo chiều sâu mà điển hình là ký kết các FTA trong bối cảnh thế giới và khu vực đang bùng nổ trào lưu

thiết lập khu vực mậu dịch tự do hiện nay là xu hướng tất yếu, buộc từng quốc gia, trong đó có Việt Nam cần phải tính đến trong lộ trình hội nhập của mình để tránh tụt hậu.

Từ khi quan hệ ngoại giao Việt Nam - Hoa Kỳ chính thức được thiết lập, quan hệ giữa hai nước ngày càng được cải thiện và có sự phát triển vượt bậc. Đặc biệt hợp tác kinh tế, thương mại luôn là lĩnh vực trọng tâm và cũng là lĩnh vực đạt nhiều kết quả tích cực nhất. Hai bên đã ký kết một loạt thoả thuận và hiệp định kinh tế như: Hiệp định Thương mại Song phương Việt Nam - Hoa Kỳ (2001), Hiệp định Dệt may (2003), Hiệp định Hàng không (2003), Hiệp định khung về Thương mại và đầu tư (2007)... Trong đó, Hiệp định thương mại song phương Việt Nam - Hoa Kỳ (BTA) được ký kết vào tháng 7/2000 và có hiệu lực vào tháng 12/2001 đã bình thường hoá và tạo cơ sở pháp lý quan trọng cho việc thúc đẩy quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại và đầu tư giữa hai nước.

Hoa Kỳ trở thành thị trường xuất khẩu số 1 của Việt Nam. Tuy nhiên, so với tiềm năng của hai nước thì kết quả đã đạt được chưa xứng tầm, đòi hỏi cần phải có những bước đi tiếp sau WTO và BTA để mở cửa thị trường hơn nữa, tạo đà cho xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ đạt kim ngạch hàng chục tỷ USD trong vòng 10 năm tới.

Có thể nói, Việt Nam đã thiết lập, duy trì và tiếp tục mở rộng mối quan hệ với Hoa Kỳ. một đối tác chiến lược lớn, có nhiều thế mạnh. Nhiều quốc gia khác cũng đã nhận thấy tầm quan trọng của một đối tác lớn như Hoa Kỳ, từ đó đã xúc tiến ký kết FTA, để tiến tới hình thành các Khu vực mậu dịch tự do với Hoa Kỳ.

## 2. Thực trạng quan hệ thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ

### 2.1. Tổng quan thị trường Hoa Kỳ

Diện tích Hoa Kỳ lớn thứ 3 thế giới, với gần 300 triệu dân có nguồn gốc từ nhiều nơi khác nhau. Hoa Kỳ luôn là một trong những nước có nền kinh tế lớn nhất thế giới. GDP của Hoa Kỳ ước đạt xấp xỉ 12.5 nghìn tỷ USD.

chiếm khoảng 28% tổng GDP toàn thế giới. Thu nhập bình quân đầu người khoảng 42.000 USD/năm. Cơ cấu kinh tế của Hoa Kỳ gồm: Dịch vụ 78,7%; Công nghiệp chế tạo 20,3%; Nông nghiệp chỉ chiếm khoảng 1%.

Năm 2005, tổng kim ngạch thương mại quốc tế (gồm cả hàng hoá và dịch vụ) của Hoa Kỳ đạt xấp xỉ 3.270 tỷ USD, tăng khoảng 12% so với năm 2004, trong đó kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hoá khoảng 2.570 tỷ, chiếm 78% và bằng 20% GDP.

Với kim ngạch nhập khẩu hàng hoá tăng đều hàng năm, đạt 1.942,8 tỷ USD vào năm 2007, rõ ràng Hoa Kỳ là thị trường khổng lồ hấp dẫn các nhà xuất khẩu trên thế giới.

### *Kim ngạch nhập khẩu của Hoa Kỳ phân theo nhóm hàng*

Đơn vị tính: Tỷ USD

Năm	2002	2004	2005	2006	2007
<b>Tổng kim ngạch</b>	<b>1.164,7</b>	<b>1.472,9</b>	<b>1.677,4</b>	<b>1.845,0</b>	<b>1.942,8</b>
Sản phẩm dệt may	81.585	94.045	100.485	104.563	107.678
Các sản phẩm chế tạo khác	72.129	83.226	91.306		
Nông thủy sản (cả SP chế biến)	55.591	67.012	73.050	81.456	88.136
Lâm sản	37.048	47.591	50.003	50.416	46.561
Giấy dép	15.379	16.498	17.834	19.038	19.270

Nguồn: Trang thông tin điện tử [www.usitc.gov](http://www.usitc.gov)

### 2.2. Thực trạng quan hệ thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ

#### 2.2.1. Về xuất khẩu

Hiệp định Thương mại Song phương Việt Nam - Hoa Kỳ có hiệu lực từ ngày 10/12/2001. Sau khi BTA Việt Nam - Hoa Kỳ có hiệu lực, quan hệ kinh tế - thương mại đôi bên có bước phát triển mạnh mẽ, đầy ấn tượng. Việt Nam đã đạt được những thành tựu trong việc thực thi các cam kết BTA. Việc ký kết Hiệp định thương mại với Hoa Kỳ giúp cho hàng hoá nước ta không bị phân biệt đối xử tại thị trường Hoa Kỳ, mang lại cơ hội giao lưu thương mại cho cả đôi bên,

nhANH chóng đưa Hoa Kỳ trở thành thị trường xuất khẩu hàng đầu, đóng góp đáng kể vào doanh thu xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế của nước ta. Kim ngạch thương mại hai chiều đã tăng từ 2,9 tỷ USD năm 2002 lên 11,3 tỷ USD năm 2007, đạt nhịp độ tăng trưởng bình quân 31,2%/năm giai đoạn 2002-2007.

Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ bình quân hàng năm giai đoạn 2001-2007 đạt 49,55%/năm. Xuất khẩu sang Hoa Kỳ đặc biệt tăng mạnh những năm 2002-2003 và 2006-2007 (hiệu ứng từ việc thực hiện BTA và gia nhập WTO của Việt Nam). Tổng

kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ tăng từ 1.065,3 triệu USD năm 2001 lên 10.089,1 triệu USD năm 2007 và 7 tháng đầu năm 2008 đã đạt 6.555,6 triệu USD.

Từ một thị trường tương đối nhỏ của hàng xuất khẩu Việt Nam, Hoa Kỳ đã vượt qua các nước khác và trở thành thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, với thị phần ước đạt xấp xỉ 20% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Sau 5 năm, kim ngạch hai chiều Việt Nam - Hoa Kỳ đã tăng hơn 8 lần, trong đó xuất khẩu của Việt Nam sang Hoa Kỳ từ 2,4 tỷ USD năm 2002 đã tăng lên 10,5 tỷ USD năm 2007. Tuy nhiên, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam còn chiếm tỉ lệ rất nhỏ (chỉ khoảng 0,3-0,5%) trong tổng nhập khẩu hàng hóa của Hoa Kỳ vì thị trường nhập khẩu hàng hóa của Hoa Kỳ lớn nhất thế giới.

Hoa Kỳ đã trở thành thị trường xuất khẩu lớn nhất cho các mặt hàng xuất

khẩu chủ lực của Việt Nam. Trong số 10 mặt hàng xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam là dầu thô, dệt may, giày dép, thủy sản, đồ gỗ, điện tử và linh kiện vi tính, gạo, cao su, cà phê, than đá đạt kim ngạch 33,97 tỷ USD, chiếm 70,2% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của Việt Nam năm 2007 thì có tới 7 mặt hàng (trừ dầu thô, gạo và cao su) có thị phần xuất khẩu sang Hoa Kỳ chiếm trên 10% trở lên. Thị trường Hoa Kỳ có tầm quan trọng đặc biệt đối với hàng hoá xuất khẩu chủ lực của Việt Nam: Dệt may có kim ngạch tại thị trường Hoa Kỳ chiếm 57,6% năm 2007 và tăng trưởng xuất khẩu đạt rất cao 358,7%/năm trong giai đoạn 2001-2007; gỗ và sản phẩm gỗ chiếm 39,4% và 107,93%/năm; giày dép chiếm 22,1% và 41,93%/năm; thủy sản chiếm 19,3% và 8,71%/năm; máy tính và linh kiện điện tử chiếm 12,7% và 205,18%/năm; cà phê chiếm 11,1% và 30,09%/năm.

### Trị giá xuất khẩu hàng hoá sang Hoa Kỳ giai đoạn 2001-2007

Đơn vị: Triệu USD, %

	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007
<b>Tổng kim ngạch XK</b>	<b>15.029,2</b>	<b>16.706,1</b>	<b>20.149,3</b>	<b>26.485,0</b>	<b>32.447,1</b>	<b>39.826,2</b>	<b>48.561,4</b>
<b>Tổng kim ngạch NK</b>	<b>16.218,0</b>	<b>19.745,6</b>	<b>25.255,8</b>	<b>31.968,8</b>	<b>36.761,1</b>	<b>44.891,1</b>	<b>62.682,2</b>
<b>Trong đó Mỹ</b>							
Xuất khẩu	1.065,3	2.452,8	3.938,6	5.024,8	5.924,0	7.845,1	10.089,1
Tăng trưởng		130,25	60,58	27,58	17,90	32,43	28,60
Tỷ trọng	7,09	14,68	19,55	18,97	18,26	19,70	20,78
Dệt may	47,5	975,8	1.973,6	2.474,4	2.602,9	3.044,6	4.465,2
Tăng trưởng		1.955,9	102,26	25,37	5,19	16,97	46,66
Giày dép	114,2	196,6	282,6	415,5	611,1	802,8	885,1
Tăng trưởng		72,07	43,76	47,05	47,06	31,37	10,26
Gỗ và SP gỗ	16,1	44,7	115,5	318,9	557,0	744,0	948,5
Tăng trưởng		177,40	158,28	176,14	74,68	33,60	27,47
Thủy sản	482,4	673,7	775,2	599,2	631,5	664,8	728,5
Tăng trưởng		39,66	15,05	-22,70	5,38	5,28	9,58
MT và LKĐT	0,01	5,3	47,3	57,5	118,5	210,5	273,4
Tăng trưởng			790,81	21,66	105,97	77,57	29,89
Cà phê	60,0	39,5	73,1	88,8	97,5	166,4	212,7
Tăng trưởng		-34,16	84,95	21,47	9,88	70,62	27,78
Cao su	2,1	10,1	10,8	16,9	24,8	27,9	39,1
Tăng trưởng		374,51	7,27	55,81	46,53	12,61	40,34

Nguồn: Số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam năm 2008

### 2.2.2. Về nhập khẩu.

Nhập khẩu từ Hoa Kỳ về Việt Nam đạt nhịp độ tăng trưởng bình quân 32%/năm giai đoạn 2002-2007; năm 2007, đạt 1.8 tỷ USD, tăng 83% so với năm 2006. Phần lớn tăng trưởng nhập khẩu trong năm 2007 là nhờ các sản phẩm thô, đặc biệt là nhập khẩu lương thực, với kim ngạch gấp gần ba lần so với cùng kỳ năm trước, và sợi may mặc tăng 67%.

Việt Nam nhập khẩu chủ yếu từ Hoa Kỳ các sản phẩm máy móc thiết bị, ô tô và nguyên nhiên vật liệu. Năm 2007, nhập khẩu máy móc thiết bị và phụ tùng đạt kim ngạch 330 triệu USD, chiếm 19,4% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ Hoa Kỳ; nhập khẩu ô tô nguyên chiếc đạt 142 triệu USD, chiếm 8,3%; chất dẻo nguyên liệu đạt 124,7 triệu USD (7,2%); nguyên phụ liệu dệt, may, da 119,6 triệu USD (7%); linh kiện điện tử và vi tính 96,5 triệu USD (5,6%); sắt thép 30 triệu USD (1,7%).

### 2.2.3. Dự báo quan hệ thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ

Dự báo xuất khẩu, năm 2008 tăng 33,85% so với năm 2007, sau đó sẽ giảm nhẹ còn 21% vào năm 2009 và 20% vào năm 2010. Tính chung cho cả giai đoạn 2006-2010, thì độ tăng trưởng xuất khẩu là 23,9%/năm.

Dự báo nhập khẩu, năm 2008 tăng 35,6% so với năm 2007, sau đó sẽ giảm còn 19,2% vào năm 2009 và 16,72% vào năm 2010. Tính chung cho cả giai đoạn 2006-2010, thì độ tăng trưởng nhập khẩu sẽ ở mức 26,10%/năm.

Cán cân thương mại của Việt Nam vẫn trong trạng thái thâm hụt và tăng nhẹ về giá trị tuyệt đối, nhưng tỷ lệ nhập siêu so với xuất khẩu sẽ giảm nhanh, từ mức khoảng 30,77% năm 2008 (số liệu ước tính) sẽ giảm còn 28,82% vào năm 2009 và 25,28% vào năm 2010.

### Dự báo xuất, nhập khẩu của Việt Nam

Đơn vị: Triệu USD

	2007	Ước 2008	2009	2010
<b>Chung cả nước</b>				
- Xuất khẩu	48.561,4	65.000	78.650	94.380
- Nhập khẩu	62.682,2	85.000	101.320	118.240
Xuất - Nhập	-14.120,8	-20.000	-22.670	-23.860
% thâm hụt/XK	-29,08	-30,77	-28,82	-25,28
<b>Thị trường Mỹ</b>				
- Xuất khẩu	10.089,1	12.561,0	15.208,0	18.478,0
- Nhập khẩu	1.699,7	2.077,0	2.670,0	3.392,0
Xuất - Nhập	8.389,4	10.484,0	12.538,0	15.086,0

Nguồn: Viện Nghiên cứu Thương mại

### 3. Đánh giá khả năng thiết lập khu vực mậu dịch tự do Việt Nam - Hoa Kỳ

#### 3.1. Chiến lược FTA của Hoa Kỳ

Về các Hiệp định thương mại song phương (BTA): Hoa Kỳ đã ký kết hàng chục BTA dưới nhiều hình

thức đa dạng như Hiệp định thương mại; Hiệp ước về quan hệ hữu nghị, thương mại và hàng hải; hay Hiệp định thương mại gắn với một lĩnh vực cụ thể nào đó như sở hữu trí tuệ, quyền lãnh sự...

Trong số các hiệp định đã ký kết, có một số hiệp định liên quan đến

quan hệ kinh tế - thương mại như: Hiệp định hữu nghị và quan hệ kinh tế với Ethiopia; Hiệp định hữu nghị và quan hệ tổng thể với Tây Ban Nha; Hiệp ước về quan hệ hữu nghị, quan hệ kinh tế và quyền lãnh sự với Oman; Hiệp ước về quan hệ hữu nghị và kinh tế với Togo.

Hoa Kỳ đã ký FTA với các nước như Canada, Mexico (NAFTA), Israel, Jordan, Singapore, Chile, Hàn Quốc và New Zealand. Các FTA này đều quan trọng về kinh tế và ít nhiều có yếu tố chính trị, thể hiện khá rõ nét chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ. Trong đó, Hoa Kỳ gắn lợi ích thương mại với các vấn đề chính trị và an ninh.

Các FTA Hoa Kỳ đang đàm phán gồm có: Australia, Morocco, Bahrain; 5 quốc gia thuộc khối Thị trường chung Trung Mỹ (CAFTA) gồm Guatemala, Honduras, El Salvador, Nicaragua và Costa Rica; 5 quốc gia thuộc Liên minh Hải quan Nam Phi (SACU) là Nam Phi, Botswana, Namibia, Lesotho và Swaziland; 2 nước thuộc khối ASEAN là Thái Lan và Malaysia...

Các FTA chủ định sẽ đàm phán, được các thành viên của Quốc hội Hoa Kỳ đề xuất gồm các nước Ai Cập, Đài Loan, New Zealand và Anh.

*3.2. Khả năng đáp ứng các điều kiện cần thiết để thiết lập Khu vực Mậu dịch tự do Việt Nam - Hoa Kỳ*

*Điều kiện về chính trị:* Đánh giá mức độ đáp ứng các điều kiện về chính trị để thiết lập Khu vực Mậu dịch Tự do Việt Nam - Hoa Kỳ, có thể điểm qua những mốc chính trong quan hệ hai nước. Qua đó có thể thấy rằng, quan hệ chính trị giữa hai nước thời gian gần đây tiến triển theo chiều hướng tích cực.

*Điều kiện về kinh tế:* Một là, Việt Nam và Hoa Kỳ đều là thành viên

của Tổ chức thương mại thế giới. Hai là, lợi thế tương đối có thể bổ sung cho nhau giữa Việt Nam và Hoa Kỳ. Ba là, môi trường đầu tư thuận lợi.

*Điều kiện về xã hội:* Môi trường xã hội ổn định là một lợi thế quan trọng, tạo điều kiện tiền đề thuận lợi cho việc thiết lập khu vực mậu dịch tự do. Môi trường xã hội của Việt Nam hiện được đánh giá là ổn định so với nhiều nước trong vùng.

*Ý chí của mỗi bên về việc thiết lập Khu vực Mậu dịch Tự do Việt Nam - Hoa Kỳ:* Hai nước thực hiện các cam kết BTA đã được 8 năm và Việt Nam cũng đã gia nhập WTO. Khởi động các bước chuẩn bị cho việc đàm phán, ký kết FTA ở thời điểm hiện nay là tương đối thích hợp. Tuy nhiên, vấn đề này phụ thuộc vào thiện chí của mỗi bên. Việt Nam mong muốn ký FTA với Hoa Kỳ song phía Hoa Kỳ hiện tại chưa muốn khởi động FTA với ta.

*3.3. Cơ hội và thách thức khi thiết lập Khu vực Mậu dịch Tự do Việt Nam - Hoa Kỳ*

*1) Những cơ hội*

Đẩy mạnh xuất khẩu.

Ngành công nghiệp trong nước sẽ được lợi nhờ việc bãi bỏ ngay lập tức toàn bộ thuế quan nhập khẩu của Hoa Kỳ đối với hàng công nghiệp, đặc biệt là các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao.

Doanh nghiệp Việt Nam được hưởng mức thuế quan thấp.

Thông qua ký kết FTA vẫn có thể cắt giảm thuế quan hơn nữa nhằm đẩy mạnh xuất khẩu hàng hoá.

FTA giúp tăng cường dòng hàng hoá, dịch vụ, đầu tư, thông tin và lao động giữa hai nước.

Thông qua việc đổi mới chính sách trong nước, sửa đổi luật pháp và quy định nhằm thu hút đầu tư nước ngoài.

Qua FTA có thể tạo ra môi trường đầu tư cạnh tranh hơn.

Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp của hai nước.

FTA sẽ giúp tăng cường hợp tác song phương giữa hai nước về nhiều mặt trong khuôn khổ các quy định được đàm phán và ký kết.

Qua FTA có thể thiết lập cơ chế tư vấn và giải quyết tranh chấp hợp lý hơn nhằm cải thiện môi trường kinh doanh giữa hai nước, thúc đẩy hợp tác và phát triển xuất khẩu.

Giúp Việt Nam có thể thoát ra khỏi các định chế hạn hẹp mang tính khu vực.

Những lợi ích mang tính chiến lược và chính trị.

#### 2) Dự báo những thách thức

Nảy sinh các tranh chấp thương mại là điều tất yếu và rất bình thường.

Cơ sở FTA với Hoa Kỳ có thể là kết quả của một tâm lý theo một và một FTA như vậy, ngoài lợi ích về kinh tế, cũng sẽ tác động tiêu cực đến chính trị, xã hội.

Môi trường đầu tư của Việt Nam sẽ được các doanh nghiệp Hoa Kỳ quan tâm.

Việc ký Hiệp định là sự kiện quan trọng, song mới chỉ là bước đầu. Quá trình phê chuẩn và nhất là việc thực hiện Hiệp định sẽ không đơn giản. Ngay thủ tục phê chuẩn Hiệp định ở Hoa Kỳ cũng khá phức tạp. Hoa Kỳ là một nền kinh tế lớn hàng đầu thế giới và ở trình độ phát triển cao.

#### 3) Những bất lợi và khó khăn

Khó khăn cho một số ngành sản xuất trong nước trong việc nỗ lực để thích ứng và trụ vững.

Nguồn thu thuế nhập khẩu đối với hàng nhập khẩu từ Hoa Kỳ vào Việt Nam sẽ mất đi do thực hiện lịch trình giảm thuế...

## 4. Giải pháp thiết lập Khu vực Mậu dịch Tự do Việt Nam - Hoa Kỳ

### 1) Giải pháp vận động chính trị ở các cấp độ khác nhau

Vận động chính trị cấp cao:

Vận động các doanh nghiệp lớn của Hoa Kỳ vào việc tạo ra động lực thuyết phục Chính phủ ký kết FTA;

Vận động thông qua đại sứ quán và thương vụ của Hoa Kỳ tại Hà Nội;

Vận động thông qua đại sứ quán và thương vụ của Việt Nam tại Hoa Kỳ;

Lập những chương trình công tác tham vấn với một số nước đối tác và không phải đối tác về FTA;

Vận động thông qua cộng đồng người Việt nam ở Hoa Kỳ.

### 2) Giải pháp tăng cường quan hệ ngoại giao

Tăng cường quan hệ kinh tế, thương mại, khoa học, công nghệ, giáo dục và đào tạo.

Tăng cường các hoạt động viếng thăm, hội đàm cấp cao và có các cuộc tiếp xúc với quan chức chính quyền, các nghị sỹ Quốc hội.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của các thương vụ...

### 3) Nhóm giải pháp thúc đẩy thực hiện các cam kết BTA Việt Nam - Hoa Kỳ và cam kết WTO

#### \* Đối với Nhà nước

Cải thiện môi trường kinh doanh theo hướng đáp ứng được các cam kết BTA Việt Nam - Hoa Kỳ và cam kết hội nhập WTO.

Nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động của Hội đồng tư vấn cấp cao Việt Nam - Hoa Kỳ về nâng cao khả năng cạnh tranh của Việt Nam.

Ưu tiên thu hút đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài nước vào lĩnh vực sản xuất hàng xuất khẩu.

Xây dựng chiến lược phát triển các ngành công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu.

Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quốc gia phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế.

Đẩy mạnh ký kết các hiệp định chuyên ngành, các công ước quốc tế và tích cực tham gia các diễn đàn trong từng lĩnh vực, từng ngành.

Hỗ trợ thông tin, tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến về thị trường và chính sách thương mại quốc tế của các thị trường xuất khẩu lớn.

Nâng cao khả năng hỗ trợ của các cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài đối với các doanh nghiệp xuất khẩu và có tiềm năng xuất khẩu,...

*\* Nhóm giải pháp từ phía các hiệp hội*

Cần làm tốt vai trò là cầu nối giữa Nhà nước và doanh nghiệp.

Cung cấp thông tin về thị trường, ngành hàng.

Hỗ trợ doanh nghiệp nhiều hơn trong việc xúc tiến thương mại.

Tổ chức đào tạo, tập huấn, tọa đàm, hội thảo chuyên ngành để giúp doanh nghiệp nâng cao trình độ và năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, nâng cao tay nghề cho công nhân.

Hỗ trợ doanh nghiệp khởi kiện và kháng kiện...

*\* Nhóm giải pháp từ phía doanh nghiệp*

Tăng cường công tác nghiên cứu, đảm bảo thông tin thị trường trong việc ra quyết định của doanh nghiệp.

Xây dựng chiến lược tiếp cận thị trường xuất khẩu.

Tăng cường áp dụng các hệ thống tiêu chuẩn chất lượng, tiêu chuẩn môi trường, trách nhiệm xã hội.

Đăng ký thương hiệu tại thị trường xuất khẩu.

Bảo vệ doanh nghiệp trước nguy cơ bị khiếu kiện trên cơ sở hoàn thiện hệ thống sổ sách chứng từ kế toán phù hợp với các quy định của luật pháp và chuẩn mực quốc tế,...

Tận dụng lực lượng Việt Kiều đang sống và làm việc tại nước ngoài để đẩy mạnh xuất khẩu.

*\* Một số giải pháp khác*

Phát triển các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hoá, nhất là vận tải biển và các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ bảo hiểm hàng hoá xuất nhập khẩu; xây dựng chiến lược phát triển các ngành chủ chốt như tài chính, ngân hàng, vận tải, bưu chính viễn thông, giáo dục đào tạo,...

Thực thi chính sách tiền tệ hợp lý, đảm bảo kim chế lạm phát, khuyến khích đầu tư trong nước và thu hút được dòng vốn đầu tư từ nước ngoài;

Cần có lộ trình điều chỉnh quan hệ tỷ giá theo từng thời kỳ theo hướng có lợi cho xuất khẩu;

Hoàn thiện cơ chế, khuôn khổ pháp lý về sáp nhập, hợp nhất, phá sản, cơ cấu lại doanh nghiệp;

Tiếp tục chính sách thắt chặt chi tiêu chính phủ và đầu tư công...